TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 4 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Quang C, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh C chung sống với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2024 giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và hay cự cải dẫn đến không còn chung sống với nhau. Nay chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Đình N, sinh ngày 17/02/2024, hiện đang sống cùng với chị L, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Anh đang bị tạm giữ tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố C về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, quá trình chung sống anh và chị L có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nhau, gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng chị L chưa thống nhất, sau sự việc chị L không có trao đổi gì với anh về việc ly hôn, sau khi anh bị tạm giữ chị L mới yêu cầu ly hôn, nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn, do anh bị tạm giữ nên không thể gặp chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn thì anh thống nhất giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị L.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn và nuôi con chung, do anh C bị tạm giam nên chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trường hợp có phát sinh sẽ yêu cầu sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh C yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh C chung sống với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo chị L xác định quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay cự cải, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành. Từ nguyên nhân trên nên chị L yêu cầu ly hôn với anh C, anh C thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị L.

Xét thấy, giữa chị L và anh C có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống là có xảy ra trên thực tế được các bên thừa nhận, việc mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, tại phiên tòa chị L kiên quyết ly hôn và xác định hiện không còn tình cảm với anh C, trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly

hôn thì anh chị cũng không thể chung sống cùng nhau, điều này cho thấy chị L không có nguyện vọng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa đương sự đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung đang sống cùng với chị L, đến thời điểm xét xử con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời anh C cũng thống nhất giao con chung cho chị L nuôi trong trường hợp Tòa án anh chị cho ly hôn. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận; Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu 300.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Khánh L được ly hôn với anh Lê Quang C.

2. Về con chung: Giao Lê Đình N, sinh ngày 17/02/2024 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003912 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Việt Khái **Đoàn Thị Sim** **Hồ Dũng Liêm**